

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2017/HNGĐ-ST**.

Ngày: 01-8-2017.

V/v Ly hôn giữa chị N và anh C.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Duẩn là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 415 ấp A, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bi đơn:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 509^A ấp A, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Về hôn nhân: Chị N và anh C đăng ký kết hôn ngày 30/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61. Sau kết hôn, chị N và anh C chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2015 chị N bị sảy thai và về nhà mẹ ruột để nghỉ dưỡng bệnh. Trong thời gian chị N dưỡng bệnh, anh C không quan tâm lo cho chị N, không đến thăm hỏi, dẫn đến chị N và anh C thật sự xa nhau từ tháng 8/2015 đến nay. Ngoài ra trong thời gian đi làm ở tỉnh Bình Dương, anh C đã 02 lần đánh chị N, việc chị N bị đánh không có ai hay biết và chị N cũng không có trình báo với ai. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu được ly hôn anh C. Về con C: Chị N và anh C không có con chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn C, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến phản bác gì về yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Kiều N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh C có địa chỉ cư trú tại số 509^A ấp A, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống hơn 01 năm khi chị N bị sảy thai thì anh C không quan tâm lo cho chị N, không đến thăm nuôi cũng như thăm hỏi động viên tình hình sức khỏe của chị N. Theo chị N trình bày trong thời gian đi làm ở tỉnh Bình Dương, anh C đã 02 lần đánh chị N, không có ai hay biết và chị N cũng không có trình báo với ai. Hành động và việc làm của anh C đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến chị N không còn chung sống với anh C từ tháng 8/2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu xin ly hôn anh C. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Chị N và anh C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ C: Chị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh C, từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh C không gửi bản trình bày ý kiến đến Tòa án cho biết ý kiến của anh C qua yêu cầu của chị N, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án. Do

đó, anh C phải chịu mọi hậu quả theo quy định tại Điều 96 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10305 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (chị N đã nộp đủ án phí).

6. Chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã K, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
- Đ/s: N, C;
- Lưu: HSVA, VPTA (Duan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Kiến